

チタンコーティング[®]フォーミングタップ TiN coated Forming Tap

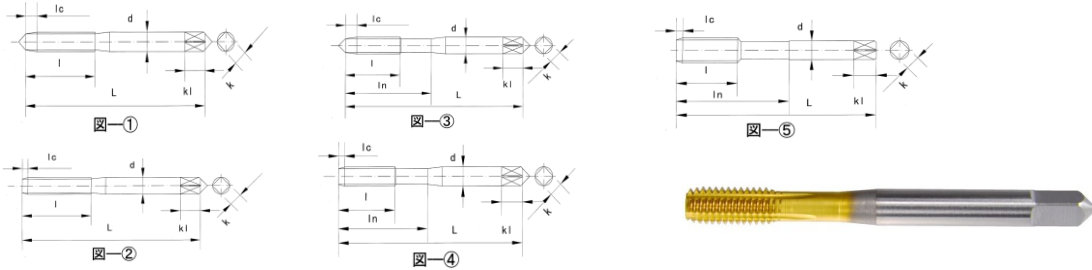


表34 FT TiN

Table 34

耐溶着性、耐摩耗性に優れています。

TiN coating has a good welding resistance and good wear resistance.

食付き: P type 4山 B type 2山

材質: HSSE

表面処理: TiN

Chamfer Length: P type 4φ B type 2φ

Material: HSSE

Surface: TiN

(Unit: mm)

SIZE	P type			B type			L	l	In	D	凸数	溝数
	精度 Limit	形状	CODE	精度 Limit	形状	CODE					Number of robe	Number of groove
M 1.4×0.3	標準	PH4	①	20126	BH4	②	36	7	-	3	3	
	Over	PH5										
M 1.6×0.35	標準	PH4	①	20129	BH4	②	36	8	-	3	3	
	Over	PH5										
M 1.7×0.35	標準	PH4	①	20132	BH4	②	36	8	-	3	3	
	Over	PH5										
M 2×0.4	標準	PH4	①	20135	BH4	②	42	8	-	3	3	
	Over	PH5										
M 2.3×0.4	標準	PH4	①	20138	BH4	②	42	9.5	-	3	3	
	Over	PH5										
M 2.5×0.45	標準	PH4	①	20141	BH4	②	44	9.5	-	3	3	
	Over	PH5										
M 2.6×0.45	標準	PH4	①	20144	BH4	②	44	9.5	-	3	3	
	Over	PH5										
M 3×0.5	標準	PH5	③	20147	BH5	④	46	9	18	4	4	4
	Over	PH6										
M 3.5×0.6	標準	PH5	③	20150	BH5	④	48	9	18	4	4	4
	Over	PH6										
M 4×0.7	標準	PH6	③	20153	BH6	④	52	10	20	5	4	4
	Over	PH7										
M 5×0.8	標準	PH6	③	20156	BH6	④	60	11	22	5.5	4	4
	Over	PH7										
M 6×1	標準	PH7	③	20159	BH7	④	62	12	24	6	4	4
	Over	PH8										
M 8×1.25	標準	PH7	⑤	20162	BH7	⑤	70	18	-	6.2	8	4
	Over	PH8										
M 10×1.5	標準	PH7	⑤	20165	BH7	⑤	75	19	-	7	8	4
	Over	PH8										
M 10×1.25	標準	PH7	⑤	20168	BH7	⑤	75	19	-	7	8	3
	Over	PH8										
M 12×1.75	標準	PH8	⑤	20171	BH8	⑤	82	23	-	8.5	8	4
	Over	PH9										
M 12×1.25	標準	PH7	⑤	20174	BH7	⑤	82	23	-	8.5	8	4
	Over	PH8										
# 4 - 40 UNC	標準	PH5	①	20177	BH5	②	44	9.5	-	3	3	3
	Over	PH6										
# 6 - 32 UNC	標準	PH5	③	20180	BH5	④	46	9	18	4	4	4
	Over	PH6										
# 8 - 32 UNC	標準	PH5	③	20183	BH5	④	52	10	20	5	4	4
	Over	PH6										
# 10 - 32 UNF	標準	PH5	③	32973	BH5	④	60	11	22	5.5	4	4
	Over	PH5										